ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 698 /KH-UBND	*Quảng Bình, ngày 28 tháng 4 năm 2022*

KẾ HOẠCH

Chuyển đổi số giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 để thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 31/3/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Bình

Triển khai thực hiện Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030, Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 và Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 31/3/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chuyển đổi số tỉnh Quảng Bình đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch chuyển đổi số giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 như sau:

I. MỤC TIÊU, YÊU CẦU

1. Mục tiêu chung

Cụ thể hóa việc triển khai thực hiện hiệu quả, đúng quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp được đề ra trong Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 31/3/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chuyển đổi số tỉnh Quảng Bình đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

Xây dựng, hoàn thiện Chính quyền số gắn liền với cải cách hành chính, công vụ, đồng hành, đồng bộ với xây dựng đô thị thông minh, phát triển kinh tế số, xã hội số và bảo đảm an toàn, an ninh mạng. Phát triển kinh tế số nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế và năng suất lao động, thúc đẩy hình thành các mô hình sản xuất, kinh doanh mới có hiệu quả kinh tế cao, góp phần tích cực vào tăng trưởng GRDP hàng năm. Phát triển xã hội số để thay đổi phương thức sống, làm việc của người dân, giúp người dân bình đẳng về cơ hội tiếp cận dịch vụ, đào tạo, tri thức, thu hẹp khoảng cách phát triển.

2. Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể đến năm 2025

a) Phát triển chính quyền số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động

- 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được cung cấp bằng hình thức dịch vụ công trực tuyến mức độ 4. Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính nộp trực tuyến trên 50%; tối thiểu 80% hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý hoàn toàn trực tuyến; tối thiểu 90% người dân, doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính.

- 95% hồ sơ công việc cấp tỉnh; 80% hồ sơ công việc cấp huyện và 60% hồ sơ công việc cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

- 70% cơ sở dữ liệu chuyên ngành được xây dựng. 100% cơ sở dữ liệu thuộc danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh được kết nối, chia sẻ toàn tỉnh.

- 40% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

- Quảng Bình thuộc nhóm 30 tỉnh dẫn đầu về Chính quyền điện tử, Chính quyền số của toàn quốc.

b) Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế

- Kinh tế số chiếm 20% GRDP của tỉnh.

- Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 10%; một số ngành, lĩnh vực kinh tế trọng điểm, mũi nhọn, có lợi thế, như: Tài chính, ngân hàng, viễn thông, công nghiệp năng lượng, thương mại, du lịch, dịch vụ… đạt trên 25%.

- Năng suất lao động hàng năm tăng tối thiểu 6,5%.

- Tỉnh thuộc nhóm trung bình khá về chỉ số cạnh tranh, đổi mới sáng tạo của toàn quốc.

c) Phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số

- Hạ tầng mạng băng rộng cáp quang kết nối phủ trên 75% hộ gia đình.

- Phổ cập dịch vụ mạng di động 4G đạt 100%, mạng di động 5G đạt 40% đến cấp xã.

- 60% cơ sở khám chữa bệnh, bao gồm trạm y tế xã, phường, thị trấn triển khai nền tảng hỗ trợ khám, chữa bệnh từ xa.

- 60% cơ sở giáo dục triển khai nền tảng hỗ trợ dạy, học từ xa và có thể chia sẻ tài nguyên dạy và học.

- Tối thiểu 01 đô thị trực thuộc tỉnh cơ bản đạt nền tảng về đô thị thông minh.

- Tỉnh thuộc nhóm khá về bảo đảm an toàn, an ninh mạng.

3. Mục tiêu định hướng đến năm 2030

a) Về chính quyền số

- Giảm 30% các thủ tục hành chính, tăng 30% dịch vụ mới có tính sáng tạo dựa trên dữ liệu phục vụ người dân, doanh nghiệp.

- 100% hồ sơ công việc cấp tỉnh, 95% hồ sơ công việc cấp huyện, 80% hồ sơ công việc cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

- 100% báo cáo định kỳ và báo cáo tổng hợp kinh tế - xã hội phục vụ chỉ đạo, điều hành của cơ quan hành chính nhà nước các cấp được thực hiện trên hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh, có kết nối, chia sẻ dữ liệu với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ (trừ báo cáo thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

- 70% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

- Duy trì và từng bước nâng thứ hạng của Quảng Bình trên Bảng xếp hạng chỉ số Chính quyền số của tỉnh, thành phố trên toàn quốc.

b) Về kinh tế số

- Kinh tế số chiếm 25% GRDP của tỉnh.

- Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 20%; một số ngành, lĩnh vực kinh tế trọng điểm, mũi nhọn, có lợi thế đạt trên 35%.

- Năng suất lao động hàng năm tăng tối thiểu 8%.

- 100% doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận, thực hiện chuyển đổi số. Có tối thiểu 03 doanh nghiệp công nghệ số làm chủ công nghệ, cung cấp các sản phẩm, giải pháp phần mềm phục vụ chuyển đổi số và bảo đảm an toàn thông tin mạng được đưa vào ứng dụng thực tế tại tỉnh và các địa phương khác trên cả nước.

c) Về xã hội số

- Hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ trên 95% hộ gia đình.

- Phổ cập dịch vụ mạng di động 5G đạt 100% đến xã và điện thoại di động thông minh đạt 99% hộ gia đình.

- Trên 90% người dân trưởng thành có tài khoản thanh toán điện tử.

- 90% người dân trưởng thành có thể truy cập hồ sơ bệnh án điện tử và thanh toán viện phí không dùng tiền mặt.

- 90% cơ sở khám chữa bệnh, bao gồm trạm y tế xã, phường, thị trấn có triển khai nền tảng hỗ trợ khám, chữa bệnh từ xa.

- 90% cơ sở giáo dục triển khai nền tảng hỗ trợ dạy, học từ xa và có thể chia sẻ tài nguyên dạy và học.

- Hoàn thành việc chuyển đổi số cơ bản trong hệ thống các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc và tổ chức chính trị - xã hội các cấp.

- Tối thiểu 02 đô thị trực thuộc tỉnh cơ bản đạt nền tảng về đô thị thông minh.

- Duy trì Quảng Bình thuộc nhóm khá về bảo đảm an toàn, an ninh mạng.

4. Yêu cầu

Các cơ quan, đơn vị, địa phương phải xác định chuyển đổi số là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền và toàn bộ hoạt động của các cơ quan, tổ chức, người dân, doanh nghiệp, nhằm phục vụ tốt nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế, chất lượng cuộc sống người dân; bảo đảm an ninh, an toàn xã hội, góp phần xây dựng Đảng và hệ thống chính trị vững mạnh.

Trong chuyển đổi số cần thống nhất: Nhận thức đóng vai trò quyết định; người dân và doanh nghiệp là trung tâm; cơ chế, chính sách và công nghệ là động lực; phát

triển nền tảng số là giải pháp đột phá để thúc đẩy; bảo đảm an toàn, an ninh mạng là phần gắn kết xuyên suốt, duy trì tính bền vững; sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, toàn dân và cộng đồng doanh nghiệp, hành động đồng bộ ở các cấp, các ngành là yếu tố bảo đảm sự thành công của chuyển đổi số.

Tập trung huy động, khai thác tối đa, hiệu quả các nguồn lực của Trung ương, của tỉnh và toàn xã hội, trong đó, nguồn lực bên trong là quyết định, chiến lược, cơ bản, lâu dài, nguồn lực bên ngoài là quan trọng, đột phá. Chú trọng thu hút, đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực nhằm đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số. Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá, rút kinh nghiệm, kịp thời phát hiện và giải quyết những vấn đề mới phát sinh.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ ĐẾN NĂM 2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030

1. Tạo nền móng chuyển đổi số

a) Chuyển đổi nhận thức và kiến tạo thể chế

Các cơ quan, đơn vị, địa phương tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, quyết định của Trung ương, của tỉnh về chuyển đổi số, nhất là Nghị quyết số 52-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa XI) về "Một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư", Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 31/3/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chuyển đổi số tỉnh Quảng Bình đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, Nghị quyết số 165/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh thông qua Đề án phát triển chính quyền điện tử và dịch vụ đô thị thông minh tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quán triệt, nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, cán bộ, công chức, viên chức, cộng đồng doanh nghiệp và người dân về sự cần thiết của chuyển đổi số. Gắn trách nhiệm của người đứng đầu về kết quả, hiệu quả chuyển đổi số trong cơ quan, đơn vị, lĩnh vực, địa bàn phụ trách; lấy việc triển khai thực hiện chuyển đổi số là một trong những tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của người đứng đầu.

Tận dụng tối đa cơ hội để phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số. Chủ động xây dựng, triển khai các chương trình, kế hoạch chuyển đổi số theo hướng toàn diện, thúc đẩy phát triển mạnh mẽ kinh tế gắn với khai thác, phát huy hiệu quả tiềm năng, lợi thế, giá trị truyền thống lịch sử, văn hóa, con người Quảng Bình. Chú trọng nghiên cứu, ban hành, thực thi hiệu quả các chính sách thúc đẩy chuyển giao, ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số phục vụ chuyển đổi số; tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, trong khởi nghiệp sáng tạo, sở hữu trí tuệ, phát triển các sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh mới dựa trên công nghệ số, internet và không gian mạng.

b) Phát triển hạ tầng số, nền tảng số, dữ liệu số

Tiếp tục phát triển hạ tầng kết nối băng rộng chất lượng cao đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số, đô thị thông minh, chú trọng bảo đảm tại các khu công nghiệp, thương mại, du lịch, dịch vụ, cơ quan nhà nước, trường học, cơ sở y tế, nơi tập trung dân cư mật độ cao. Đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi toàn bộ mạng sang ứng dụng địa chỉ giao thức Internet thế hệ mới (IPv6). Phát triển hạ tầng kết nối IoT, tích hợp cảm biến vào ứng dụng công nghệ số trong hoạt động quản lý, cung cấp dịch vụ đô thị thông minh về giao thông, môi trường, năng lượng, điện, nước...

Phát triển hạ tầng phục vụ ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số trong cơ quan nhà nước hiện đại, đồng bộ. Nâng cấp tổng thể hạ tầng Trung tâm dữ liệu điện tử, Trung tâm điều hành thông minh của tỉnh đủ mạnh, đạt quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật, đáp ứng yêu cầu, năng lực phục vụ trong giai đoạn trung hạn. Mở rộng xây dựng mạng diện rộng trên cơ sở mạng truyền số liệu chuyên dùng bảo đảm kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu với tốc độ cao giữa các cơ quan nhà nước. Phát triển nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP) phục vụ kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của tỉnh với nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NGSP).

Xây dựng, hoàn thiện các nền tảng số có khả năng triển khai dùng chung rộng khắp, nhất là lĩnh vực ưu tiên chuyển đổi số được xác định tại Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 31/3/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh. Thực hiện kết nối và tổ chức khai thác hiệu quả các nền tảng dùng chung quy mô quốc gia về định danh và xác thực điện tử, thanh toán điện tử, thông tin báo cáo, điều hành an toàn thông tin mạng, cơ sở dữ liệu dân cư, hộ tịch, đăng ký kinh doanh… Xây dựng, triển khai nền tảng bản đồ số của tỉnh phục vụ phát triển, ứng dụng các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, dùng chung và dịch vụ đô thị thông minh trên nền thông tin địa lý (GIS).

Phát triển đồng bộ hạ tầng cơ sở dữ liệu, xây dựng các hệ thống, kho, hồ dữ liệu lớn, tin cậy, ổn định phục vụ hoạt động của chính quyền, doanh nghiệp và người dân. Thúc đẩy mạnh mẽ việc số hóa, phát triển, làm giàu dữ liệu số, bảo đảm cung cấp dữ liệu cho công tác quản lý nhà nước và cung cấp dịch vụ trực tuyến. Cung cấp các bộ dữ liệu mở có chất lượng và giá trị khai thác cao, mở dữ liệu theo quy định của pháp luật để phục vụ chuyển đổi số toàn diện. Tổ chức kết nối, chia sẻ, liên thông giữa các cơ sở dữ liệu, nền tảng số của tỉnh với các bộ, ban, ngành Trung ương để quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả, tránh lãng phí và chồng chéo.

c) Tạo lập niềm tin, bảo đảm an toàn, an ninh mạng

Tạo lập niềm tin vào tiến trình chuyển đổi số, hoạt động trên môi trường số thông qua hình thành văn hóa số, bảo vệ các giá trị đạo đức và bảo đảm an toàn, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân. Phát triển Trung tâm giám sát an toàn thông tin mạng (SOC) và hệ thống phòng chống phần mềm độc hại tập trung của tỉnh. Thực hiện đầy đủ, có chất lượng mô hình bảo đảm an toàn thông tin chuyên nghiệp "4 lớp" theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông. Nâng cao năng lực giám sát, phát hiện, ngăn chặn, rà soát, xử lý bóc gỡ mã độc; chủ động ứng phó các mối

đe dọa, tấn công mạng và ứng cứu sự cố, khôi phục hoạt động bình thường của các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu.

Thường xuyên tuyên truyền, phổ biến, đào tạo, tập huấn, huấn luyện, diễn tập nâng cao nhận thức, kiến thức, kỹ năng an toàn thông tin mạng cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và cộng đồng. Nâng cao năng lực Đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng, nhất là đơn vị thường trực Đội ứng cứu cả về năng lực chuyên môn và hệ thống trang thiết bị chuyên dùng. Chủ động tham gia các hoạt động của Mạng lưới ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng quốc gia. Tăng cường cung cấp thông tin, chia sẻ kinh nghiệm xử lý sự cố an toàn mạng.

d) Phát triển nguồn nhân lực, đẩy mạnh hợp tác trong nước, quốc tế, nghiên cứu, phát triển và đổi mới sáng tạo trong môi trường số

Thực hiện chính sách đào tạo, thu hút nhân tài và lực lượng chuyên nghiệp về công nghệ số đáp ứng được các yêu cầu phát triển của tỉnh. Trang bị kỹ năng ứng dụng công nghệ số, bảo đảm an toàn thông tin mạng cho cán bộ, công chức, viên chức. Bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng cần thiết cho người lao động để thích ứng với thay đổi của chuyển đổi số, nhất là cho công nhân, người lao động trong các khu công nghiệp, khu du lịch để thúc đẩy các doanh nghiệp thực hiện chuyển đổi số. Đưa nội dung phổ cập kỹ năng số và an toàn, an ninh mạng dựa trên các nền tảng mở, phần mềm nguồn mở vào chương trình giảng dạy từ cấp tiểu học để hình thành sớm các kỹ năng cần thiết cho công dân số.

Đẩy mạnh hoạt động kết nối, hợp tác với các tổ chức, doanh nghiệp lớn trong nước và trên thế giới để nghiên cứu, phát triển và đổi mới sáng tạo. Tăng cường học tập, trao đổi kinh nghiệm, tổ chức các hội thảo về chuyển đổi số và định hướng xây dựng chính quyền số với các tỉnh, thành phố đi đầu về chuyển đổi số. Khuyến khích, hỗ trợ các tổ chức, doanh nghiệp của tỉnh hợp tác với các doanh nghiệp công nghệ lớn để nghiên cứu, phát triển, chuyển giao công nghệ mới, mô hình mới.

2. Phát triển chính quyền số

a) Tập trung cụ thể hóa thực hiện Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số theo Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ. Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện và thực hiện các chính sách, quy định, quy chế quản lý, vận hành, phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số gắn kết chặt chẽ với cải cách hành chính. Thường xuyên cập nhật, hoàn thiện Kiến trúc Chính quyền điện tử, Chính quyền số, Khung tham chiếu công nghệ thông tin và truyền thông (ICT) đô thị, địa phương thông minh của tỉnh.

b) Tăng cường thử nghiệm, áp dụng các công nghệ và mô hình mới để từng bước đổi mới căn bản hoạt động quản lý, điều hành của chính quyền các cấp, tiến đến mô hình toàn bộ hoạt động an toàn trên môi trường số, vận hành dựa trên dữ liệu và công nghệ số, có khả năng cung cấp dịch vụ chất lượng hơn, đưa ra quyết định kịp thời hơn, ban hành chính sách tốt hơn, sử dụng nguồn lực tối ưu hơn, kiến tạo phát triển, dẫn dắt chuyển đổi số, giải quyết hiệu quả những vấn đề lớn trong phát triển và quản lý kinh tế - xã hội.

c) Xây dựng, ứng dụng thống nhất nền tảng định danh và xác thực của tỉnh (cho cả công chức và công dân) bảo đảm thiết thực, hiệu quả; tận dụng và kế thừa những hệ thống, nền tảng sẵn có để phục vụ giao dịch điện tử giữa người dân với cơ quan nhà nước và các giao dịch điện tử dân sự khác một cách dễ dàng, đơn giản, tiện lợi. Hoàn thiện nền tảng ứng dụng trên thiết bị di động cho phép người dân, doanh nghiệp có thể định danh trên không gian số và sử dụng mọi dịch vụ, tiện ích của chính quyền số, kinh tế số, xã hội số mọi lúc, mọi nơi.

d) Tiếp tục tổ chức khai thác, ứng dụng có hiệu quả các nền tảng, hệ thống thông tin, phần mềm dùng chung, chuyên ngành, nội bộ. Khai thác, tận dụng tối đa lợi ích của công nghệ số, dữ liệu số để nâng cao năng suất, chất lượng tham mưu, giải quyết công việc của cán bộ, công chức, viên chức. Tăng cường ứng dụng hội nghị truyền hình, họp trực tuyến, trao đổi thông tin, báo cáo và làm việc trên môi trường mạng. Chú trọng thực hiện công tác bảo đảm an toàn, an ninh mạng, bảo vệ bí mật nhà nước tại các cơ quan, đơn vị, địa phương.

e) Thường xuyên rà soát thủ tục hành chính, quy trình nghiệp vụ theo hướng đơn giản hóa hoặc thay đổi phù hợp hoặc xem xét, đề xuất loại bỏ một số thủ tục hành chính, quy trình nghiệp vụ khi ứng dụng công nghệ số. Tăng cường xây dựng, cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm thiết bị di động; dịch vụ đô thị thông minh. Huy động sự tham gia của các tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ công hoặc phát triển những dịch vụ mới, sáng tạo. Đẩy mạnh tích hợp các dịch vụ theo nhu cầu phục vụ, tận dụng các kênh xã hội để tương tác, gia tăng sự tham gia của người dân, doanh nghiệp.

f) Tổ chức ứng dụng sâu rộng các công nghệ hiện đại như điện toán đám mây (Cloud Computing), internet vạn vật (IoT), trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data), chuỗi khối (Blockchain)... trong chính quyền số. Tỉnh có Cổng dữ liệu kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cổng dữ liệu quốc gia. Dữ liệu được chia sẻ rộng khắp giữa các cơ quan nhà nước (trừ dữ liệu thuộc phạm vi bí mật nhà nước) và mở tối đa tạo động lực phát triển các dịch vụ sáng tạo dựa trên dữ liệu phục vụ người dân, doanh nghiệp, thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số trên địa bàn tỉnh.

3. Phát triển kinh tế số

a) Tập trung cụ thể hóa thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế số theo Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ. Tuyên truyền, phổ biến rộng rãi về chuyển đổi nền kinh tế dựa trên công nghệ số, nền tảng số, dữ liệu số, về kinh tế số ICT, kinh tế số nền tảng và kinh tế số ngành. Tổ chức phổ cập kiến thức chung về xây dựng lộ trình và thực hiện chuyển đổi sang kinh tế số, giới thiệu và chia sẻ các bài học thành công của doanh nghiệp khi chuyển đổi qua kinh tế số.

b) Triển khai các quy định của pháp luật về doanh nghiệp, khởi nghiệp, thương mại, đầu tư, kinh doanh để tạo điều kiện thuận lợi phát triển mô hình và hoạt động kinh tế mới dựa trên nền tảng kinh tế số, kinh tế chia sẻ, kinh tế dựa trên đổi mới sáng tạo. Tổ chức các chương trình, diễn đàn phổ biến kiến thức, chia sẻ kinh nghiệm của những doanh nghiệp trong từng lĩnh vực đang thành công nhờ các mô hình kinh doanh sáng tạo với công nghệ số.

c) Xây dựng, triển khai Kế hoạch phát triển kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực tại tỉnh. Xây dựng, phát triển các nền tảng dữ liệu số ngành, lĩnh vực trong đó cơ quan nhà nước đóng vai trò dẫn dắt, doanh nghiệp và cơ sở sản xuất kinh doanh đóng vai trò nòng cốt và người dân tham gia tích cực trong việc thu thập, chuẩn hóa, mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ sản xuất, kinh doanh. Hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh đẩy mạnh ứng dụng các nền tảng quản trị, kinh doanh và đào tạo kỹ năng số cho lực lượng lao động. Triển khai hóa đơn điện tử để thúc đẩy chuyển đổi số trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, tạo môi trường kinh doanh lành mạnh cho doanh nghiệp.

d) Tổ chức triển khai Kế hoạch tổng thể phát triển thương mại điện tử quốc gia giai đoạn 2021-2025 đã được ban hành tại Quyết định số 645/QĐ-TTg ngày 15/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ. Đẩy mạnh truyền thông và thực hiện các Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số; hỗ trợ doanh nghiệp bưu chính, chuyển phát và logistic chuyển đổi số; hỗ trợ các cơ sở, cửa hàng bán lẻ chuyển đổi số; hỗ trợ các hộ sản xuất nông nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể chuyển đổi số, kinh doanh trên sàn thương mại điện tử… tại địa phương; bảo đảm trên 50% doanh nghiệp nhỏ và vừa được tiếp cận, tham gia thực hiện chuyển đổi số và 100% sản phẩm OCOP được giới thiệu, tiêu thụ trên các sàn thương mại điện tử trong nước.

e) Thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 14/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ về thúc đẩy phát triển doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam. Khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp công nghệ thông tin - điện tử đã có thương hiệu chuyển chiến lược sản xuất, kinh doanh sang nghiên cứu, phát triển, làm chủ công nghệ số và chủ động trong sản xuất sản phẩm công nghệ số.

4. Phát triển xã hội số

a) Tập trung cụ thể hóa thực hiện Chiến lược phát triển xã hội số theo Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ. Phát triển xã hội số đi đôi với tạo dựng các giá trị văn hóa phù hợp với thời đại số. Phát huy sự sáng tạo của người dân trong xã hội số, đồng thời, bảo vệ người dân trước các mối nguy cơ, đe dọa trong xã hội số. Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng, chuẩn bị nguồn nhân lực cho chuyển đổi số để phát triển xã hội số bền vững, bao trùm, không ai bị bỏ lại phía sau.

b) Thúc đẩy triển khai cung cấp các khóa học đại trà trực tuyến mở về công dân số, kết nối số và văn hóa số. Tăng cường hợp tác giữa cơ quan nhà nước và doanh nghiệp nền tảng số trong việc tuyên truyền, phổ biến, tập huấn kỹ năng số cho người dân thông qua việc sử dụng nền tảng số. Chú trọng công tác truyền thông đồng thời phát triển, triển khai các kênh tư vấn, hỏi đáp, trợ lý ảo, hỗ trợ người dân nâng cao kiến thức, kỹ năng để tiếp cận, sử dụng công nghệ số, nền tảng số và dịch vụ số. Quan tâm hướng dẫn, hỗ trợ đoàn thể, hiệp hội các cấp tổ chức sinh hoạt phổ biến chuyển đổi số, văn hóa số, xã hội số hằng năm.

c) Đẩy mạnh hoạt động giới thiệu về con người, văn hóa, du lịch và các sản phẩm đặc trưng quê hương Quảng Bình trên môi trường mạng. Tạo môi trường thuận lợi cho phát triển hệ sinh thái ứng dụng công nghệ số nhằm cung cấp các sản

phẩm, dịch vụ số thiết yếu, thông minh cho người dân. Tăng cường cung cấp và nâng cao chất lượng các ứng dụng số, dịch vụ đô thị thông minh, ưu tiên các lĩnh vực y tế, giáo dục, an sinh xã hội, an ninh; thực hiện thử nghiệm trước tại các đô thị, sau đó phổ biến toàn tỉnh.

d) Tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ người dân mở, sử dụng tài khoản thanh toán điện tử. Thúc đẩy phát triển dịch vụ Mobile Money, tập trung ưu tiên ở các vùng, miền có tỷ lệ phổ cập dịch vụ ngân hàng còn ở mức thấp. Triển khai Chương trình hỗ trợ, thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt trong trường học, cơ sở giáo dục và bệnh viện, cơ sở y tế. Đẩy nhanh tiến trình chuyển đổi số, thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực lao động, việc làm, an sinh xã hội.

e) Triển khai phổ biến, áp dụng Bộ quy tắc ứng xử trên môi trường số, xây dựng văn hóa số trong cộng đồng. Lựa chọn triển khai ứng dụng các nền tảng, hệ thống số đơn giản, dễ sử dụng để hỗ trợ người dân tự kiểm soát được hoạt động và mức độ sử dụng công nghệ. Tăng cường ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo vào tự động kiểm soát truy cập và chặn lọc các trang web, tài nguyên Internet độc hại hướng tới một không gian số an toàn, lành mạnh cho người dân.

5. Thực hiện chuyển đổi số trên các lĩnh vực ưu tiên

a) Bám sát nội dung Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; các văn bản quy định, hướng dẫn của Bộ, ngành, cơ quan Trung ương về chuyển đổi số; các quan điểm, mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp được định hướng trong Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 31/3/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và Kế hoạch này để tổ chức thực hiện chuyển đổi số các lĩnh vực ưu tiên, bao gồm: Chuyển đổi số trong các cơ quan thuộc hệ thống chính trị và trên các chuyên ngành, lĩnh vực y tế; giáo dục và đào tạo; văn hóa, du lịch; nông nghiệp, nông thôn; giao thông, vận tải và logistics; tài nguyên và môi trường; năng lượng; tài chính, ngân hàng.

b) Huy động nguồn lực xã hội hóa, tranh thủ các nguồn vốn hỗ trợ từ Trung ương, lồng ghép kinh phí thực hiện các chương trình, dự án của cơ quan Trung ương, Bộ chuyên ngành để xây dựng, phát triển hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, phần mềm ứng dụng và thực hiện chuyển đổi số chuyên ngành, lĩnh vực tại địa phương. Tổ chức sử dụng chung, đồng bộ hoặc thực hiện kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu giữa các nền tảng, hệ thống của các cơ quan Đảng, chính quyền, Mặt trận, đoàn thể, nhằm khai thác, sử dụng tối ưu, hiệu quả tài nguyên hạ tầng, công nghệ, dữ liệu, tránh đầu tư, triển khai chồng chéo, lãng phí.

c) Đẩy mạnh thực hiện số hóa, phát triển dữ liệu kết hợp với khai thác, sử dụng hiệu quả các phần mềm, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu đã xây dựng, triển khai. Thường xuyên cập nhật, nâng cao kiến thức, kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động. Quan tâm bố trí và phối hợp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin, an toàn thông tin của ngành, địa phương, của cơ quan, đơn vị.

III. PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM THAM MƯU, TRIỂN KHAI CÁC HOẠT ĐỘNG CHUYỂN ĐỔI SỐ TRỌNG TÂM ĐẾN NĂM 2025 VÀ THEO DÕI, ĐÔN ĐỐC THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU LIÊN QUAN

1. Phân công trách nhiệm tham mưu, triển khai các hoạt động chuyển đổi số trọng tâm đến năm 2025: *Phụ lục 1 kèm theo Kế hoạch này.*

2. Phân công trách nhiệm theo dõi, đôn đốc thực hiện một số chỉ tiêu về chuyển đổi số: *Phụ lục 2 kèm theo Kế hoạch này.*

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Kinh phí thực hiện Kế hoạch này bao gồm: Ngân sách nhà nước; nguồn đầu tư của doanh nghiệp, khu vực tư nhân, cộng đồng và các nguồn kinh phí hợp pháp khác. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh chủ động xây dựng nhiệm vụ, dự án, đề án, lập dự toán chuyển đổi số gửi cơ quan chuyên môn về kế hoạch, tài chính thẩm định và trình UBND tỉnh quyết định; UBND cấp huyện, cấp xã căn cứ nhiệm vụ được giao ưu tiên nguồn lực để thực hiện các hoạt động chuyển đổi số.

- Ưu tiên kinh phí từ ngân sách nhà nước để phục vụ các hoạt động hỗ trợ chuyển đổi nhận thức, kiến tạo thể chế, phát triển hạ tầng số, phát triển nền tảng số, tạo lập niềm tin, bảo đảm an toàn an ninh mạng, nghiên cứu phát triển và đổi mới sáng tạo trong môi trường số và chuyển đổi kỹ năng trong môi trường số và các nhiệm vụ thuộc Kế hoạch này do cơ quan nhà nước chủ trì thực hiện.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh

Giúp UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ban, ngành, địa phương, cơ sở triển khai thực hiện Kế hoạch này bảo đảm mục tiêu và tiến độ đề ra; điều phối việc thực hiện các chiến lược, chương trình, cơ chế, chính sách, đề án, dự án, giải pháp có tính chất liên cấp, liên ngành về chuyển đổi số, xây dựng, phát triển Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và đô thị thông minh.

2. Sở Thông tin và Truyền thông

- Là cơ quan đầu mối, tham mưu cho UBND tỉnh tổ chức triển khai Kế hoạch này, cụ thể hóa xây dựng và triển khai thực hiện Kế hoạch thực hiện chuyển đổi số hàng năm của tỉnh. Định kỳ hàng quý tổng hợp báo tình hình triển khai và kết quả thực hiện cho UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh.

- Tham mưu cho UBND tỉnh triển khai các Đề án, Dự án đẩy mạnh phát triển chính quyền số gắn với cải cách hành chính. Tổ chức hoạt động kết nối, hợp tác với các tập đoàn, doanh nghiệp viễn thông, công nghệ số lớn trong và ngoài nước để hỗ trợ nghiên cứu, triển khai, cung cấp các nền tảng, giải pháp, dịch vụ công nghệ số phù hợp cho sở, ban, ngành, địa phương. Triển khai cơ chế phối hợp bảo đảm an toàn thông tin mạng, chủ động phòng ngừa, điều phối ứng cứu, xử lý sự cố của hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu cơ quan nhà nước.

- Tăng cường theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra hoạt động phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số của sở, ban, ngành, địa phương. Hàng năm tổ chức đánh

giá mức độ ứng dụng xây dựng chính quyền số, thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước các cấp.

3. Sở Nội vụ

- Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức đẩy mạnh phát triển chính quyền số gắn kết với cải cách hành chính; tham mưu cho UBND tỉnh ban hành cơ chế, chính sách đối với bộ máy, đội ngũ cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin, an toàn thông tin trong cơ quan nhà nước.

- Tham mưu UBND tỉnh ưu tiên bố trí kinh phí cho việc bồi dưỡng nâng cao nhận thức, kiến thức về chuyển đổi số cho đội ngũ lãnh đạo các cấp và đào tạo, tập huấn trang bị, phát triển kỹ năng số, bảo đảm an toàn thông tin mạng cho cán bộ, công chức, viên chức.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ

- Tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí đầu tư phát triển giai đoạn, hàng năm cho các chương trình, dự án ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và xây dựng đô thị thông minh của tỉnh, nhất là các dự án trọng tâm đã được HĐND tỉnh thông qua, UBND tỉnh phê duyệt.

- Tham mưu cho UBND tỉnh quy định, hướng dẫn thực hiện mục chi ngân sách cho sự nghiệp ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin theo quy định tại Điều 63 Luật Công nghệ thông tin; bố trí kinh phí sự nghiệp cho đơn vị chuyên trách của tỉnh thực hiện các nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và xây dựng đô thị thông minh.

- Tham mưu cho UBND tỉnh bố trí nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ hỗ trợ hoạt động nghiên cứu, hợp tác làm chủ công nghệ, chuyển giao ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số, nhất là các dự án, đề tài khoa học ứng dụng nền tảng, dịch vụ số phục vụ người dân, doanh nghiệp, các giải pháp, phương án kỹ thuật, công nghệ để triển khai các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu nền tảng của chính quyền số, đô thị thông minh và kinh tế số ngành.

5. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện, cấp xã

- Xây dựng Kế hoạch chi tiết triển khai thực hiện Kế hoạch này (giai đoạn và hàng năm). Căn cứ tình hình cụ thể của từng sở, ban, ngành, địa phương để xây dựng, thực hiện các đề án, chương trình, kế hoạch lồng ghép nội dung về chuyển đổi số trong hoạt động của sở, ban, ngành, địa phương và gắn kết với chương trình phát triển chính quyền số, xây dựng đô thị thông minh các cấp.

- Ưu tiên bố trí kinh phí, nhân lực để thực hiện chuyển đổi số, đẩy mạnh phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và bảo đảm an toàn thông tin mạng, tập trung cho các nhiệm vụ, hoạt động chuyển đổi số trọng tâm và các chỉ tiêu liên quan nêu tại Phụ lục 1, 2 Kế hoạch này. Tranh thủ tối đa sự hướng dẫn, hỗ trợ từ Trung ương, lồng ghép kinh phí, nguồn lực thực hiện các chương trình, dự án của cơ quan Trung ương, Bộ chuyên ngành để xây dựng, phát triển nền tảng, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, phần mềm ứng dụng và thực hiện chuyển đổi số, phát triển kinh tế số chuyên ngành, lĩnh vực. Khuyến khích huy động, khai thác các nguồn lực xã hội

cho chuyển đổi số thông qua hoạt động đầu tư sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, bằng các hình thức nhà nước thuê dịch vụ sẵn có, hợp tác công - tư, sử dụng quỹ phát triển sự nghiệp...

- Định kỳ hàng quý báo cáo tình hình triển khai và kết quả thực hiện chuyển đổi số cho Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, Bộ Thông tin và Truyền thông. Trong đó, UBND cấp huyện tổng hợp, báo cáo tình hình, kết quả thực hiện của các xã, phường, thị trấn thuộc huyện.

6. Các doanh nghiệp bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin hoạt động trên địa bàn tỉnh

- Tiếp tục thúc đẩy phát triển hạ tầng bưu chính theo hướng là hạ tầng chuyển phát và hạ tầng logistic để phục vụ cho phát triển thương mại điện tử; tích cực phối hợp, hỗ trợ đưa hộ sản xuất nông nghiệp, sản phẩm OCOP lên sàn thương mại điện tử và triển khai nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số tại tỉnh.

- Tiếp tục phát triển hạ tầng kết nối băng rộng chất lượng cao đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số, đô thị thông minh tại tỉnh, chú trọng bảo đảm tại các khu công nghiệp, thương mại, du lịch, dịch vụ, cơ quan nhà nước, trường học, cơ sở y tế, nơi tập trung dân cư mật độ cao.

- Tham gia tư vấn các giải pháp tạo nền móng và cung cấp các nền tảng, ứng dụng, dịch vụ số phù hợp cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, người dân trên địa bàn tỉnh để thực hiện phát triển chính quyền số, kinh tế số, công dân số, xã hội số theo mục tiêu đã đề ra trong Kế hoạch này.

7. Đề nghị Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng HĐND tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức đoàn thể cấp tỉnh chủ động tham mưu chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức thực hiện chuyển đổi số trong hoạt của cơ quan Đảng, Hội đồng nhân dân, Mặt trận, đoàn thể các cấp; phối hợp quán triệt, vận động đảng viên, đoàn viên, hội viên và nhân dân tích cực hưởng ứng, tham gia tiến trình chuyển đổi số toàn diện của tỉnh.

8. Đề nghị Tỉnh đoàn xây dựng chương trình, kế hoạch phù hợp nhằm phát huy vai trò xung kích, đi đầu của lực lượng đoàn viên, thanh niên trong tham gia, hỗ trợ, thúc đẩy chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh, nhất là trong hoạt động phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số tại khu vực nông thôn, địa bàn miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

9. Đề nghị Liên đoàn Lao động tỉnh xây dựng chương trình, kế hoạch phù hợp nhằm phát huy vai trò, tính tích cực, chủ động, sáng tạo của đoàn viên, người lao động trong tham gia chuyển đổi số trong cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, đồng thời phát triển công dân số trên địa bàn tỉnh.

10. Đề nghị Hội nông dân tỉnh, Liên minh Hợp tác xã tỉnh, Hội doanh nghiệp tỉnh, Hiệp hội Du lịch tỉnh tích cực tham gia, phối hợp thực hiện Đề án xác định chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp; các Chương trình, hoạt động hỗ trợ chuyển đổi số trong doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh, hộ sản xuất nông nghiệp; hướng dẫn, hỗ trợ đưa hộ sản xuất nông nghiệp, sản phẩm OCOP lên sàn

thương mại điện tử; giới thiệu về con người, văn hóa, du lịch và các sản phẩm đặc trưng quê hương Quảng Bình trên môi trường mạng.

11. Báo Quảng Bình, Đài Phát thanh và Truyền hình Quảng Bình, các cơ quan báo chí, truyền thông hoạt động trên địa bàn tỉnh phối hợp chặt chẽ với các sở, ban, ngành, địa phương để thực hiện tuyên truyền về chuyển đổi số, phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và đô thị thông minh; xây dựng các chuyên trang, chuyên mục, tăng thời lượng phát sóng, số lượng tin, bài để phổ biến kiến thức, kỹ năng tiếp cận, sử dụng công nghệ số, nền tảng số, dịch vụ số cho người dân, tổ chức và doanh nghiệp.

Yêu cầu các sở, ban, ngành, địa phương và cơ quan, tổ chức liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện Kế hoạch này. Trong quá trình thực hiện có khó khăn, vướng mắc báo cáo về UBND tỉnh (qua Sở Thông tin và Truyền thông) để xem xét, điều chỉnh phù hợp./.

Nơi nhận:
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- BCĐ Chuyển đổi số tỉnh;
- Các Ban Đảng, Văn phòng Tỉnh ủy;
- Ủy ban MTTQVN, các đoàn thể cấp tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Liên minh Hợp tác xã, Hội Doanh nghiệp tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo QB, Đài PT&TH QB, Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KSTTHC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Trần Thắng

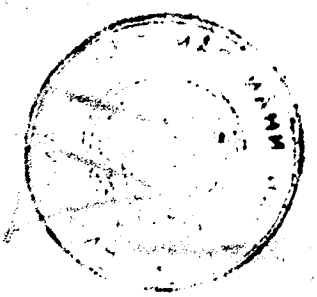

Phụ lục 1

PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM THAM MƯU, TRIỂN KHAI CÁC HOẠT ĐỘNG CHUYỂN ĐỔI SỐ TRỌNG TÂM ĐẾN NĂM 2025

(Kèm theo Kế hoạch số 698 /KH-UBND ngày 28/4/2022 của UBND tỉnh về Chuyển đổi số giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 để thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 31/3/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Bình)

STT	Nhiệm vụ, hoạt động chuyển đổi số trọng tâm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
I	**Tạo nền móng chuyển đổi số**			
1.1	Quán triệt, tổ chức thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, quyết định, chương trình, kế hoạch của Trung ương, của tỉnh về chuyển đổi số; tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, cán bộ, công chức, viên chức, cộng đồng doanh nghiệp và người dân về sự cần thiết của chuyển đổi số	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp huyện, cấp xã	Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Khoa học và Công nghệ, Báo Quảng Bình, Đài Phát thanh và Truyền hình Quảng Bình	Thường xuyên
1.2	Chỉ đạo các doanh nghiệp viễn thông phát triển hạ tầng kết nối băng rộng chất lượng cao đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số, đô thị thông minh trên địa bàn tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	UBND cấp huyện	Thường xuyên
1.3	Mở rộng xây dựng mạng diện rộng trên cơ sở mạng truyền số liệu chuyên dùng và hạ tầng hệ thống hội nghị trực tuyến; nâng cấp tổng thể hạ tầng và chuyển đổi ứng dụng IPv6 cho Trung tâm dữ liệu điện tử, Trung tâm điều hành thông minh của tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp huyện, cấp xã	Năm 2022-2024
1.4	Phát triển nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP) phục vụ kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của tỉnh với nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NGSP/NDXP); xây dựng hạ tầng kho, hồ dữ liệu lớn của tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh	Năm 2022-2025

STT	Nhiệm vụ, hoạt động chuyển đổi số trọng tâm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
1.5	Tổ chức triển khai Kế hoạch thực hiện Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ việc chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh	Công an tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp huyện, cấp xã	Năm 2022-2025
1.6	Xây dựng, triển khai nền tảng bản đồ số của tỉnh phục vụ phát triển, ứng dụng các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, dùng chung và dịch vụ đô thị thông minh trên nền thông tin địa lý (GIS)	Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp huyện	Năm 2022-2025
1.7	Phát triển Trung tâm giám sát an toàn thông tin mạng (SOC); thực hiện đầy đủ, có chất lượng mô hình bảo đảm an toàn thông tin chuyên nghiệp "4 lớp"; nâng cao năng lực Đội ứng cứu sự cố của tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp huyện	Năm 2022-2025
1.8	Nâng cấp, phát triển hạ tầng kỹ thuật và cơ sở vật chất phục vụ ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số tại cơ quan, đơn vị	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp huyện, cấp xã	Sở Thông tin và Truyền thông	Thường xuyên
1.9	Kiện toàn Ban Chỉ đạo hoặc Tổ triển khai chuyển đổi số; tổ chức phân công đơn vị, bộ phận chuyên trách hoặc đầu mối tham mưu công tác chuyển đổi số; sắp xếp, bố trí, phát triển lực lượng cán bộ chuyên trách, phụ trách CNTT, an toàn thông tin mạng; đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, trang bị kỹ năng ứng dụng công nghệ số, bảo đảm an toàn thông tin mạng cho CBCCVC	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp huyện, cấp xã	Sở Nội vụ, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Khoa học và Công nghệ	Thường xuyên
1.10	Triển khai đưa nội dung phổ cập kỹ năng số và an toàn, an ninh mạng dựa trên các nền tảng mở, phần mềm nguồn mở vào chương trình giảng dạy từ cấp tiểu học để hình thành sớm các kỹ năng cần thiết cho công dân số	Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Thông tin và Truyền thông	UBND cấp huyện, cấp xã	Từ năm 2023

STT	Nhiệm vụ, hoạt động chuyển đổi số trọng tâm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
II	**Phát triển chính quyền số**			
2.1	Xây dựng, hoàn thiện các chính sách, quy định, quy chế quản lý, vận hành, phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số; cập nhật, hoàn thiện Kiến trúc chính quyền điện tử, chính quyền số, Khung tham chiếu công nghệ thông tin và truyền thông (ICT) đô thị, địa phương thông minh của tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Xây dựng	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp huyện	Thường xuyên
2.2	Xây dựng, tổ chức ứng dụng thống nhất nền tảng định danh và xác thực của tỉnh (cho công chức và công dân)	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp huyện	Năm 2023-2025
2.3	Xây dựng, nâng cấp nền tảng công nghệ, kỹ thuật và chức năng, tính năng, tiện ích của các HTTT chính quyền số quan trọng: Hệ thống thư điện tử công vụ; hệ thống quản lý văn bản và điều hành; hệ thống thông tin báo cáo; hệ thống Cổng/trang thông tin điện tử; Cổng dịch vụ công/hệ thống thông tin một cửa điện tử; Cổng điều hành, không gian làm việc số; Cổng dữ liệu tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông, Văn phòng UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư.	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp huyện	Năm 2023-2025
2.4	Nâng cấp, triển khai nhân rộng ứng dụng hệ thống quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức tỉnh; hệ thống số hóa tài liệu và quản lý lưu trữ điện tử	Sở Nội vụ, Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp huyện	Năm 2022-2025.
2.5	Nâng cấp, hoàn thiện, triển khai mở rộng ứng dụng Hệ thống quản lý công tác thanh tra, tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo; số hóa và chuyển đổi dữ liệu từ các hệ thống cũ	Thanh tra tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp huyện	Năm 2023-2025
2.6	Xây dựng, phát triển dữ liệu hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý không gian quy hoạch xây dựng	Sở Xây dựng, Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp huyện	Năm 2022-2024

STT	Nhiệm vụ, hoạt động chuyển đổi số trọng tâm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
2.7	Nâng cấp, phát triển hạ tầng và dữ liệu hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia thành phần về đất đai tại tỉnh	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp huyện	Năm 2022-2025
2.8	Xây dựng, tổ chức ứng dụng Hệ thống thông tin quản lý ngành du lịch (quản lý hướng dẫn viên; đơn vị lữ hành; cơ sở lưu trú; điểm mua sắm; di sản…)	Sở Du lịch, Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp huyện	Năm 2022-2025
2.9	Tiếp tục thực hiện Đề án số hóa cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử; xây dựng, triển khai ứng dụng cơ sở dữ liệu quản lý xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh, phần mềm tự động hóa công tác xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp huyện	Năm 2022-2025
2.10	Số hóa hồ sơ người có công với cách mạng và xây dựng, triển khai ứng dụng hệ thống quản lý, khai thác hồ sơ và chi trả kinh phí ưu đãi người có công với cách mạng	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp huyện	Năm 2022-2025
2.11	Nâng cấp, phát triển hệ thống dữ liệu quản lý công tác dân tộc	Ban Dân tộc tỉnh	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp huyện	Năm 2022-2024
2.12	Tổ chức triển khai thực hiện Nghị định số 107/2021/NĐ-CP và Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính (Đề án 468) trên địa bàn tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp huyện, cấp xã	Năm 2022-2025
2.13	Tổ chức khai thác, ứng dụng có hiệu quả các nền tảng, hệ thống thông tin, phần mềm dùng chung, chuyên ngành, nội bộ; tăng cường số hóa, phát triển dữ liệu, ứng dụng hội họp trực tuyến, trao đổi thông tin, báo cáo và làm việc trên môi trường mạng	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp huyện, cấp xã	Sở Thông tin và Truyền thông	Thường xuyên

STT	Nhiệm vụ, hoạt động chuyển đổi số trọng tâm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
2.14	Rà soát, chuẩn hóa thủ tục hành chính, quy trình nghiệp vụ theo hướng đơn giản hóa hoặc thay đổi phù hợp hoặc xem xét, đề xuất loại bỏ một số thủ tục hành chính, quy trình nghiệp vụ khi ứng dụng công nghệ số; tăng cường cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ cao	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp huyện, cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông	Thường xuyên
III	**Phát triển kinh tế số**			
3.1	Tuyên truyền, phổ biến rộng rãi về kinh tế số ngành, lĩnh vực; tổ chức phổ cập kiến thức chung về thực hiện chuyển đổi sang kinh tế số, giới thiệu và chia sẻ các bài học thành công của doanh nghiệp khi chuyển đổi qua kinh tế số	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông, Báo Quảng Bình, Đài Phát thanh và Truyền hình Quảng Bình; UBND cấp huyện, cấp xã	Thường xuyên
3.2	Hướng dẫn, thực hiện các quy định của pháp luật liên quan phát triển mô hình và hoạt động kinh tế mới dựa trên nền tảng kinh tế số, kinh tế chia sẻ, kinh tế dựa trên đổi mới sáng tạo	Các sở quản lý nhà nước chuyên ngành	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Khoa học và Công nghệ, Hội doanh nghiệp tỉnh; UBND cấp huyện	Thường xuyên
3.3	Xây dựng, triển khai Kế hoạch phát triển kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực; xây dựng, phát triển các nền tảng dữ liệu số ngành, lĩnh vực; hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh đẩy mạnh ứng dụng các nền tảng quản trị, kinh doanh và đào tạo kỹ năng số cho lực lượng lao động	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông; UBND cấp huyện	Năm 2022-2025
3.4	Triển khai hóa đơn điện tử trên địa bàn tỉnh để thúc đẩy chuyển đổi số trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, tạo môi trường kinh doanh lành mạnh cho doanh nghiệp	Cục Thuế tỉnh	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp huyện, cấp xã	Từ năm 2022

STT	Nhiệm vụ, hoạt động chuyển đổi số trọng tâm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
3.5	Tổ chức triển khai Kế hoạch phát triển thương mại điện tử, Kế hoạch thực hiện Đề án đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động xúc tiến thương mại trên địa bàn tỉnh; đào tạo, bồi dưỡng cho các tổ chức, doanh nghiệp về thương mại điện tử; nâng cấp Sàn thương mại điện tử tỉnh; thúc đẩy ứng dụng nền tảng địa chỉ số gắn với bản đồ số trong hoạt động thương mại điện tử	Sở Công Thương, Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Hội doanh nghiệp tỉnh; UBND cấp huyện	Từ năm 2022
3.6	Triển khai các Chương trình, hoạt động hỗ trợ chuyển đổi số trong doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Thông tin và Truyền thông, Liên minh Hợp tác xã tỉnh, UBND cấp huyện	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Hội doanh nghiệp tỉnh	Thường xuyên
3.7	Hướng dẫn, hỗ trợ đưa hộ sản xuất nông nghiệp, sản phẩm OCOP lên sàn thương mại điện tử, thúc đẩy phát triển kinh tế số nông nghiệp, nông thôn	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Công Thương	Hội Nông dân tỉnh, Liên minh Hợp tác xã tỉnh; UBND cấp huyện, cấp xã	Thường xuyên
3.8	Triển khai hướng dẫn, hỗ trợ ứng dụng nền tảng quản trị và kinh doanh du lịch của các doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh du lịch trên địa bàn tỉnh (theo Quyết định số 27/QĐ-UBQGCĐS ngày 15/3/2022 của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số)	Sở Du lịch, Sở Thông tin và Truyền thông	Các đơn vị chức năng của Bộ VH-TT&DL; Hiệp hội Du lịch tỉnh; UBND cấp huyện, cấp xã	Từ năm 2022
3.9	Triển khai thực hiện Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 14/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ về thúc đẩy phát triển doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp huyện	Thường xuyên
3.10	Triển khai Đề án xác định chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp phục vụ cho các doanh nghiệp trên trên địa bàn tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Hội DN tỉnh	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp huyện	Thường xuyên

STT	Nhiệm vụ, hoạt động chuyển đổi số trọng tâm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
IV	**Phát triển xã hội số**			
4.1	Thúc đẩy triển khai cung cấp các khóa học đại trà trực tuyến mở về công dân số, kết nối số và văn hóa số; hướng dẫn, hỗ trợ đoàn thể, hiệp hội các cấp tổ chức sinh hoạt phổ biến chuyển đổi số, văn hóa số, xã hội số	Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Văn hóa và Thể thao	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp huyện	Thường xuyên
4.2	Tổ chức các Tổ công nghệ số cộng đồng đến từng tổ dân phố, thôn, bản để phổ biến hướng dẫn, trợ giúp người dân sử dụng công nghệ số và các nền tảng số "Make in Việt Nam"	UBND cấp huyện, cấp xã	Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Khoa học và Công nghệ, Tỉnh Đoàn	Từ năm 2022
4.3	Triển khai Chương trình dạy và học về kỹ năng số và STEM/STEAM trong giáo dục tiểu học và phổ thông góp phần chuẩn bị nguồn nhân lực cho chuyển đổi số để phát triển xã hội số bền vững	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Khoa học và Công nghệ; UBND cấp huyện, cấp xã	Từ năm 2023
4.4	Đẩy mạnh hoạt động giới thiệu về con người, văn hóa, du lịch và các sản phẩm đặc trưng quê hương Quảng Bình trên môi trường mạng	Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Du lịch	Sở Thông tin và Truyền thông; UBND cấp huyện, cấp xã, Hiệp hội du lịch tỉnh	Thường xuyên
4.5	Triển khai xây dựng, cung cấp các dịch vụ đô thị thông minh dùng chung cơ bản; thực hiện thử nghiệm trước tại các đô thị, sau đó phổ biến toàn tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông, UBND cấp huyện	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh	Từ năm 2022
4.6	Hướng dẫn, hỗ trợ người dân mở, sử dụng tài khoản thanh toán điện tử; thúc đẩy phát triển dịch vụ Mobile-Money	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Quảng Bình, Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp huyện, cấp xã	Thường xuyên
4.7	Thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt trong trường học, cơ sở giáo dục và bệnh viện, cơ sở y tế	Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Quảng Bình, Sở Thông tin và Truyền thông; UBND cấp huyện, cấp xã	Từ năm 2022

STT	Nhiệm vụ, hoạt động chuyển đổi số trọng tâm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
4.8	Tuyên truyền, phổ biến, áp dụng Bộ quy tắc ứng xử trên môi trường số, xây dựng văn hóa số trong cơ quan, đơn vị, cộng đồng	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp huyện, cấp xã	Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Văn hóa và Thể thao, Báo Quảng Bình, Đài Phát thanh và Truyền hình Quảng Bình	Thường xuyên
4.9	Thúc đẩy ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông, xây dựng nền tảng cơ bản của đô thị thông minh với các mục tiêu: nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân; quản lý đô thị tinh gọn; bảo vệ môi trường hiệu quả; nâng cao năng lực cạnh tranh; dịch vụ công nhanh chóng, thuận tiện; tăng cường bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội và phòng, chống tội phạm	UBND thành phố Đồng Hới, UBND thị xã Ba Đồn	Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Xây dựng và các sở, ban, ngành cấp tỉnh liên quan	Thường xuyên
V	**Thực hiện chuyển đổi số trên các lĩnh vực ưu tiên**			
5.1	Chuyển đổi số trong cơ quan thuộc hệ thống chính trị góp phần đổi mới phương thức, lề lối làm việc, nâng cao năng suất, hiệu quả quản lý, điều hành, giải quyết công việc	Các cơ quan thuộc hệ thống chính trị các cấp	Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Khoa học và Công nghệ	Từ năm 2022
5.2	Chuyển đổi số trong lĩnh vực y tế	Sở Y tế, Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam - Cuba Đồng Hới	Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Khoa học và Công nghệ; UBND cấp huyện, cấp xã	Từ năm 2022
5.3	Chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo	Sở Giáo dục và Đào tạo; các trường đại học, cao đẳng, trường nghề trên địa bàn tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; UBND cấp huyện, cấp xã	Từ năm 2022

STT	Nhiệm vụ, hoạt động chuyển đổi số trọng tâm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
5.4	Chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa, du lịch	Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Du lịch	Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Khoa học và Công nghệ; UBND cấp huyện, cấp xã	Từ năm 2022
5.5	Chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Công thương; UBND cấp huyện, cấp xã	Từ năm 2022
5.6	Chuyển đổi số trong lĩnh vực giao thông, vận tải và logistics	Sở Giao thông Vận tải	Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Khoa học và Công nghệ; UBND cấp huyện, cấp xã	Từ năm 2022
5.7	Chuyển đổi số trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Khoa học và Công nghệ; UBND cấp huyện, cấp xã	Từ năm 2022
5.8	Chuyển đổi số trong lĩnh vực năng lượng	Sở Công thương, Công ty Điện lực Quảng Bình	Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Khoa học và Công nghệ; UBND cấp huyện, cấp xã	Từ năm 2022
5.9	Chuyển đổi số trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng	Sở Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Quảng Bình, Cục Hải quan, Cục Thuế, Kho bạc Nhà nước tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Khoa học và Công nghệ; UBND cấp huyện, cấp xã	Từ năm 2022

Phụ lục 2

PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM THEO DÕI, ĐÔN ĐỐC THỰC HIỆN MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

(Kèm theo Kế hoạch số 698 /KH-UBND ngày 18/4/2022 của UBND tỉnh về Chuyển đổi số giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 để thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 31/3/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Bình)

STT	Chỉ tiêu phản ánh kết quả, mức độ chuyển đổi số	Cơ quan chủ trì theo dõi, đôn đốc thực hiện và tổng hợp báo cáo	Cơ quan phối hợp
I	**Phát triển chính quyền số**		
1.1	Tỷ lệ (%) thủ tục hành chính đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được cung cấp bằng hình thức dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 Tỷ lệ (%) hồ sơ thủ tục hành chính nộp trực tuyến Tỷ lệ (%) hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý hoàn toàn trực tuyến Tỷ lệ (%) người dân, doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông
1.2	Tỷ lệ (%) hồ sơ công việc cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước)	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Nội vụ, Văn phòng UBND tỉnh
1.3	Tỷ lệ (%) báo cáo định kỳ và báo cáo tổng hợp kinh tế - xã hội phục vụ chỉ đạo, điều hành của cơ quan hành chính nhà nước các cấp được thực hiện trên hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Thông tin và Truyền thông
1.4	Tỷ lệ (%) cơ sở dữ liệu chuyên ngành được xây dựng Tỷ lệ (%)cơ sở dữ liệu thuộc danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh được kết nối, chia sẻ toàn tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	
1.5	Tỷ lệ (%) hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý	Thanh tra tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông

STT	Chỉ tiêu phản ánh kết quả, mức độ chuyển đổi số	Cơ quan chủ trì theo dõi, đôn đốc thực hiện và tổng hợp báo cáo	Cơ quan phối hợp
II	**Phát triển kinh tế số và xã hội số**		
2.1	Tỷ lệ (%) doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận, thực hiện chuyển đổi số	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Thông tin và Truyền thông, Hội Doanh nghiệp tỉnh
2.2	Tỷ trọng (%) của kinh tế số trong GRDP của tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Cục Thống kê, Sở Thông tin và Truyền thông
2.3	Tỷ trọng (%) của kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực	Các sở quản lý nhà nước chuyên ngành	Cục Thống kê, Sở Thông tin và Truyền thông
2.4	Tỷ lệ (%) hộ gia đình có kết nối băng rộng cáp quang Tỷ lệ (%) xã được phổ cập dịch vụ mạng di động 4G và 5G	Sở Thông tin và Truyền thông	
2.5	Tỷ lệ (%) người dân trưởng thành có tài khoản thanh toán điện tử	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Quảng Bình	
2.6	Tỷ lệ (%) người dân trưởng thành có hồ sơ bệnh án điện tử Tỷ lệ (%) cơ sở khám chữa bệnh, bao gồm trạm y tế xã, phường, thị trấn có triển khai nền tảng hỗ trợ khám, chữa bệnh từ xa	Sở Y tế	
2.7	Tỷ lệ (%) cơ sở giáo dục triển khai nền tảng hỗ trợ dạy, học từ xa và có thể chia sẻ tài nguyên dạy và học	Sở Giáo dục và Đào tạo	

STT								
I								
1.1								
1.2								
1.3								
1.4								
1.5								
1.6								
1.7								